TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 169/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Hữu Nguyên H3, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 34 đường Bửu Đình, phường P, thành phố H1.

2. Chị Nguyễn Thị Tâm H4, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 9/3 Lý Nam Đế, phường H, thành phố H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H1, tỉnh T (cũ) vào ngày 12/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh chị đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng, nên anh H3 và chị H4 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người tự lựa chọn cuộc sống riêng cho mình.

2. Về con chung: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 có 01 (một) con chung là Phạm Nguyễn Gia H2, sinh ngày 22/5/2013. Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 thỏa thuận chị Nguyễn Thị

Tâm H4 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Nguyễn Gia H2, anh Phạm Hữu Nguyên H3 không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 xác nhận không có.

4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 xác nhận không có.

5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001108 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia H2, sinh ngày 22/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Tâm H4 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hân đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tâm H4 về việc không yêu cầu anh Phạm Hữu Nguyên H3 cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 xác nhận không có.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001108 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 –

Huế. Anh Phạm Hữu Nguyên H3 và chị Nguyễn Thị Tâm H4 đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 2 – Huế;
- UBND phường Kim Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng